TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 6 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Nam

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tô Văn Nhung
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 400/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/20202/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1992; thường trú: Thôn Tân Hoành, xã P, huyện K, tỉnh A; tạm trú: Số 25/26, khu phố Đ 2, phường B, thành phố A, tỉnh D. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thiện T, sinh năm 1988; thường trú: Thôn Tân Hoành, xã P, huyện K, tỉnh A; tạm trú: Số 25/26, khu phố Đ 2, phường B, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu thì chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thiện T tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2014 ngày 06/02/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại: Số 25/26, khu phố Đ 2, phường B, thành phố A, tỉnh D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm để cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Anhị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thiện N, sinh ngày 21/4/2015. Khi ly hôn anhị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Thiện T*: Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/5/2022 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 26/5/2022 và 24/6/2022 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 26/5/2022 và 24/6/2022 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thiện T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2014 ngày 06/02/2014 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anhị T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm để cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Anhị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường An Bình nhưng Hội phụ nữ không biết nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến, đồng thời anhị T có đơn từ chối hòa giải. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình trạng đã trầm trọng và cả hai đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anhị T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anhị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Thiện N, sinh ngày 21/4/2015. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Nhật từ trước đến nay ở với anhị T và được anhị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, quá trình tố tụng anh T không có ý kiến gì về việc anhị T yêu cầu được nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao con chung cho anhị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anhị T về việc không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Nguyễn Thiện T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thiện T (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 03, quyển số 01/2014 ngày 06/02/2014 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh A cấp).

- Về con chung: Anh Nguyễn Thiện T giao con chung tên Nguyễn Trần Thiện N, sinh ngày 21/4/2015 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anhị T về việc không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Thiện T và chị Trần Thị T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003231 ngày 0312/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã P, huyện K, tỉnh A;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Nam